TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2018/DS-PT
Ngày: 11-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Đắc Phú.

Bà Trần Thị Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 4, 04 tháng 5 và 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BC bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1427/2018/QĐPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Kim C, sinh năm 1957; cư trú tại: Số nhà 59 XVNT, Phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 274 CVA, Phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018) (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư D (tên cũ: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ĐĐA); trụ sở: Số C5/1A Ấp B, xã QĐ, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1978; cư trú tại: Số nhà 232 Bis/C VTS, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2017) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên; trụ sở: Số 58-60 NTT, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Lê Trúc H2, sinh năm 1974; cư trú tại: Số nhà 171/16 LVT, Phường T, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn – ông Hoàng Văn S trình bày:

Ngày 20/01/2011, bà Lý Kim C ký hợp đồng cho vay tiền và thế chấp nhà đất với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ĐĐA nay là Công ty Cổ phần Đầu tư D (viết tắt là Công ty D), theo hợp đồng thể hiện bà Lý Kim C cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ĐĐA vay số tiền là 20.928.000.000 đồng với thời hạn là 90 ngày.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 197 tờ bản đồ số 1 thị trấn AL, huyện BC (nay là số 507 ADV, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 29/QSDĐ/CQĐV ngày 24/12/1993 và phần đất có diện tích 980 m^2 nhằm bằng khoán: 1^{-240}, 1^{-247}, 1^{-253}, tờ bản đồ số 15 bộ địa chính SG - TB (nay là số 120 THĐ, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh).

Hết thời hạn 90 ngày nhưng Công ty D vẫn chưa trả tiền gốc và lãi cho bà C theo thỏa thuận.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty D trả cho bà C số tiền nợ gốc là 20.928.000.000 đồng và tiền lãi phát tính từ ngày 20/01/2011 đến ngày 20/12/2017 là 16.078.633.600 đồng, tổng cộng là 37.006.633.600 đồng. Thời hạn trả tiền là ngày 01/02/2018.

Bị đơn – Công ty Cổ phần Đầu tư D có bà Hoàng Thị Thu H đại diện trình bày:

Đối với số nợ của bà Lý Kim C: Bà H thống nhất với ý kiến và lời trình bày của ông Hoàng Văn S. Bà H xác nhận cho đến nay Công ty D còn nợ bà Lý Kim C Số tiền gốc là 20.928.000.000 đồng và tiền lãi phát tính từ ngày 20/01/2011 đến ngày 20/12/2017 là 16.078.633.600 đồng, tổng cộng là 37.006.633.600 đồng.

Tài sản thế chấp là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp

GCN số 29/QSDĐ/CQĐV ngày 24/12/1993 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ban quản lý ruộng đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Quyết định số 572/QĐ-ĐĐ ngày 30/11/1992 cấp cho Công ty SG. Do Công ty Cổ phần Đầu tư D gặp nhiều khó khăn nên chưa có điều kiện trả nợ. Khi nhận được tiền trả nợ từ Tổng Công ty Công nghiệp S - TNHH Một thành viên thì Công ty D sẽ trả cho bà Lý Kim C.

Đối với yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp S - TNHH Một thành viên, bà H trình bày:

Để tránh bị phá sản, Công ty SG và Công ty LT ký kết Hợp đồng kinh tế số 77/HĐKT/07/2007 ngày 07/07/2007 với nội dung Công ty LT trả nợ thay cho Công ty SG số tiền 54.945.645.052 đồng.

Đổi lại, Công ty SG sẽ chuyển nhượng cho Công ty LT quyền sở hữu cổ phần trị giá 2,4 triệu USD (bao gồm 1,7 ha đất tại 507 ADV, quận BT và 980 m^2 đất tại THĐ, Quận M) góp vốn trong Công ty Liên doanh M và quyền khai thác 11.178 m^2 đất tại 507 ADV trong thời hạn 49 năm.

Ngày 11/10/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội nghị chủ nợ và thống nhất phương án Công ty LT sẽ thay Công ty SG trả nợ cho các chủ nợ và khôi phục hoạt động cho Công ty SG.

Ngày 27/12/2007, Công ty LT đã ký hợp đồng mua bán khoản nợ của Công ty SG cho Công ty D theo Hợp đồng số 09/HĐKT-D/2007 và thanh toán hết sau khi ký hợp đồng.

Cùng ngày 27/12/2007, Công ty D và Công ty SG ký Hợp đồng số 27-12/HĐKT/2007 về việc mua lại Công ty SG và đã thanh toán cho các chủ nợ của Công ty SG số tiền 54.945.465.052 đồng.

Ngày 30/01/2008, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 164/2008/QĐ-ĐCTTPS về việc đình chỉ thủ tục phá sản đối với Công ty SG.

Sau khi trả nợ thay cho Công ty SG, Công ty D đã có nhiều văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị được mua lại Công ty SG.

Ngày 02/10/2008, Ban quản lý đổi mới Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 360/ĐMDN thông báo cho Công ty D biết Công ty SG đã được sáp nhập vào Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên.

Sau khi Công ty SG sáp nhập vào Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên, Công ty D đã nhiều lần có văn bản yêu cầu làm việc để giải quyết theo tinh thần hợp đồng đã ký mà Công ty D đã trả nợ thay cho Công ty SG nhưng Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên vẫn chưa làm việc với Công ty D giải quyết những vấn đề liên quan đến hợp đồng ký kết với Công ty SG.

Nay Công ty D yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên thanh toán cho Công ty D số tiền gốc là 54.945.465.052 đồng, tiền lãi đến ngày 25/01/2018 là 71.703.831.892 đồng, tổng cộng là 127.164.410.678 đồng.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Tổng công ty Công nghiệp S - TNHH Một thành viên có bà Nguyễn Lê Trúc H2 trình bày:

Ngày 05/11/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5036/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty SG làm doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay việc chuyển Công ty SG làm doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên vẫn chưa được tiến hành.

Hay nói một cách cụ thể hơn là việc chuyển Công ty SG làm doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên mới được thực hiện ở bước có chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chưa thực hiện được bất cứ bước nào trong thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển chủ sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Do đó, có thể xác định cho đến nay Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên không phải là chủ sở hữu của Công ty SG và theo đó, mọi vấn đề pháp lý liên quan đến Công ty SG sẽ không thuộc trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên.

Hơn nữa, theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hiện hành thì Công ty SG là một pháp nhân độc lập, chủ sở hữu của Công ty SG chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn trên số vốn điều lệ của Công ty SG và đặt giả thiết, ngay cả trường hợp Công ty SG là công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên thì Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trong vai trò là chủ sở hữu của Công ty SG sẽ chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn trên số vốn điều lệ và tài sản hiện hữu của Công ty SG.

Do khoản nợ này là của Công ty SG nợ Công ty D và Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên không phải là công ty mẹ của Công ty SG và Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên cũng chưa hề tiếp nhận bất cứ tài sản nào và vốn của Công ty SG.

Vì vậy, Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên đề nghị Tòa án bác yêu cầu của Công ty D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BC quyết định:

[1] Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lý Kim C với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ĐĐA nay là Công ty Cổ phần Đầu tư D. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Công ty Cổ phần Đầu tư D có trách nhiệm trả cho bà Lý Kim C số tiền gốc là 20.928.000.000 đồng và tiền lãi phát tính từ ngày 20/01/2011 đến ngày 20/12/2017 là 16.078.633.600 đồng, tổng cộng là 37.006.633.600 đồng, theo phương thức trả một lần vào ngày 01/02/2018.

[1.2] Hủy "Hợp đồng cho vay tiền và thế chấp nhà đất" giữa Công ty cổ phần xuất khẩu ĐĐA và bà Lý Kim C ngày 20/01/2011.

Kể từ khi bà Lý Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư D chậm trả tiền thì Công ty Cổ phần Đầu tư D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư D trả đủ số tiền 37.006.633.600 đồng cho bà Lý Kim C thì bà C có trách nhiệm trả cho Công ty D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 29/QSDĐ/CQĐV ngày 24/12/1993 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ban quản lý ruộng đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Quyết định số 572/QĐ-ĐĐ ngày 30/11/1992 cấp cho Công ty SG.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư D. Buộc Công ty SG thành viên Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư D số tiền: Số tiền gốc là 54.945.465.052 đồng, số tiền lãi đến ngày 25/01/2018 là 71.703.831.892 đồng, tổng cộng là 127.164.410.678 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Kể từ khi Công ty Cổ phần Đầu tư D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty SG thành viên Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên chậm trả tiền thì Công ty SG thành viên Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/02/2018, Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà H2 đại diện cho Tổng Công ty Công nghiệp S đồng ý trả cho Công ty D số tiền nợ gốc là 54.945465.052 đồng, không đồng ý trả lãi vì các bên không có thỏa thuận trả lãi. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC.

- Luật sư Nguyễn Văn K bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Tổng Công ty Công nghiệp S thống nhất với ý kiến của bà H2 là đồng ý trả cho Công ty D số tiền nợ gốc là 54.945465.052 đồng. Luật sư K cho rằng hợp đồng ký kết giữa Công ty SG với Công ty D không có thỏa thuận trả lãi và phía Công ty D không thông báo cho trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng Công ty Công nghiệp S trả lãi là không có cơ sở. Đề nghị Hội xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu của Công ty D về việc yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp S số tiền lãi.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC vì thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 thị trấn AL, huyện BC (nay là số 507 ADV, phường AL A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 29/QSDĐ/CQĐV ngày 24/12/1993 và phần đất có diện tích 980 m^2 nhằm bằng khoán 1^{-240}, 1^{-247}, 1^{-253} tờ bản đồ số 15 bộ địa chính SG - TB (nay là số 120 THĐ, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) không còn thuộc quyền sử dụng của Công ty SG.

- Bà H đại diện cho Công ty D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trả cho Công ty D số tiền 127.164.410.678 đồng, trong đó tiền gốc là 54.945465.052 đồng và tiền lãi là 71.703.831.892 đồng.

- Ông S đại diện bà C trình bày: Đối với yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Công nghiệp S, ông không có ý kiến gì.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác Công ty SG có nợ Công ty D số tiền 54.945465.052 đồng. Công ty SG sáp nhập vào Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 5036/QĐ-UB ngày 05/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chỉ đạo Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên tiến hành làm thủ tục tiếp nhận và xử lý các vấn đề còn tồn tại của Công ty SG. Hơn nữa tại

thời điểm này, Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 2003 vẫn còn hiệu lực nên căn cứ khoản 4 Điều 76 của Luật Doanh nghiệp Nhà nước thì "*đối với trường hợp sáp nhập công ty thì công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền lợi hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán... và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập*". Căn cứ vào Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức thanh toán đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc*". Do đó, Công ty D yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trả số tiền gốc là 54.945465.052 đồng và lãi phát sinh là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm buộc Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trả cho Công ty D số tiền 127.164.410.678 đồng.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Năm 2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo thủ tục phá sản đối với Công ty SG. Theo đó, Công ty SG thiếu các chủ nợ với số tiền tương đương 54.945.465.052 đồng.

Ngày 07/7/2007, Công ty SG ký Hợp đồng số 77/HĐKT/07/2007 với Công ty LT với nội dung: Công ty LT trả nợ thay cho Công ty SG số tiền nói trên.

Ngày 11/10/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội nghị chủ nợ và đã thống nhất phương án Công ty LT sẽ thay Công ty SG trả nợ cho các chủ nợ và khôi phục hoạt động Công ty SG.

Ngày 27/12/2007, Công ty LT đã ký Hợp đồng mua bán khoản nợ của Công ty SG cho Công ty D theo Hợp đồng số 09/HĐKT-D/2007.

Cùng ngày 27/12/2007, Công ty D và Công ty SG ký Hợp đồng số 27-12/HĐKT/2007 về việc mua lại Công ty SG và đã thanh toán cho các chủ nợ của Công ty SG số tiền 54.945.465.052 đồng.

Ngày 20/3/2008, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 2636/TB-THA thông báo cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh biết ngày 27/12/2007 Công ty D đã thanh toán hoàn tất các khoản nợ cho các chủ nợ theo danh sách do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lập và niêm yết.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở khẳng định Công ty SG có nợ Công ty D số tiền 54.945.465.052 đồng.

[2] Ngày 05/11/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định số 5036/QĐ-UBND chuyển Công ty SG thành thành viên Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên. Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang chỉ đạo Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên tiếp nhận và xử lý những vấn đề còn tồn tại của Công ty SG.

Theo quy định tại Điều 63 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Điều 12 Nghị định số 111/2007/NQ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ thì Tổng Công ty là chủ sở hữu của Công ty; theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 111/2007/NQ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ thì Tổng công ty có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ của Công ty.

Theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005 thì "*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận.*

Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Do đó, Công ty D yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trả số tiền 54.945.465.052 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H2 là người đại diện của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên xác nhận Công ty SG có nợ Công ty D số tiền 54.945.465.052 đồng và Công ty D là chủ nợ duy nhất của Công ty SG. Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên đồng ý trả cho Công ty D số tiền nợ là 54.945.465.052 đồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty D, buộc Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trả cho Công ty D số tiền 54.945.465.052 đồng.

[3] Công ty D đã thanh toán nợ cho các chủ nợ của Công ty SG số tiền 54.945.465.052 đồng vào ngày 27/12/2007.

Công ty D yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên trả lãi trong hạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/12/2008 là (54.945.645.052 đồng x 9%/năm) 4.945.108.055 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 25/01/2018 là (54.945.645.052 đồng x 13.5%/năm x 9 năm 25 ngày) 67.274.074.160 đồng, tổng cộng là 72.219.182.215 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi 71.703.831.892 đồng là có lợi cho Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên. Tuy nhiên, phía Công ty D không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Luật sư Nguyễn Văn K và bà H2 đại diện Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên cho rằng các bên không thỏa thuận về lãi nên không đồng ý trả lãi là không được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC:

Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC được ban hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối tượng bị phong tỏa là quyền sử dụng đất Ban quản lý ruộng đất cấp cho Công ty SG (Công ty Sakyno) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 29/QSDĐ/CQĐV ngày 24/12/1993 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ban quản lý ruộng đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Quyết định số 572/QĐ-ĐĐ ngày 30/11/1992.

Đến nay, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên vẫn chưa có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền và Công ty D đang thế chấp cho bà Lý Kim C để vay tiền.

Do đó, Luật sư Nguyễn Văn K và bà H2 đại diện Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, buộc Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên có trách nhiệm thanh toán cho Công ty D số tiền nợ gốc là 54.945.645.052 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/01/2018 là 71.703.831.892 đồng, tổng cộng là 127.164.410.678 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư D phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm là {[112.000.000 đồng + (33.006.633.600 đồng x 0,1)]: 2} 72.503.317 đồng. Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là [112.000.000 đồng + (123.164.410.678 đồng x 0,1%)] 235.164.411 đồng. Do sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ vào Điều 63 của Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Căn cứ Điều 12 và Điều 42 của Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, quản lý, tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên.

Sửa bản án sơ thẩm:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lý Kim C với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ĐĐA nay là Công ty Cổ phần Đầu tư D. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư D có trách nhiệm trả cho bà Lý Kim C số tiền gốc là 20.928.000.000 (Hai mươi tỷ chín trăm hai mươi tám triệu) đồng và tiền lãi phát tính từ ngày 20/01/2011 đến ngày 20/12/2017 là 16.078.633.600 (Mười sáu tỷ không trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm) đồng, tổng cộng là 37.006.633.600 (Ba mươi bảy tỷ không trăm lẻ sáu triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm) đồng.

- Hủy "Hợp đồng cho vay tiền và thế chấp nhà đất" giữa Công ty cổ phần xuất khẩu ĐĐA và bà Lý Kim C ngày 20/01/2011.

Kể từ khi bà Lý Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư D chậm trả tiền thì Công ty Cổ phần Đầu tư D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư D trả đủ số tiền 37.006.633.600 (Ba mươi bảy tỷ không trăm lẻ sáu triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm) đồng cho bà Lý Kim C thì bà C có trách nhiệm trả cho Công ty D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 29/QSDĐ/CQĐV ngày

24/12/1993 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ban quản lý ruộng đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Quyết định số 572/QĐ-ĐĐ ngày 30/11/1992 cấp cho Công ty SG.

3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư D.

Buộc Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư D số tiền nợ gốc là 54.945.465.052 (Năm mươi tư tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm năm hai) đồng và tiền lãi đến ngày 25/01/2018 là 71.703.831.892 (Bảy mươi mốt tỷ bảy trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng. Tổng cộng là 127.164.410.678 (Một trăm hai mươi bảy tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm mươi nghìn sáu trăm bảy mươi tám) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ khi Công ty Cổ phần Đầu tư D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên chậm trả tiền thì Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện BC.

6. Về án phí:

- Công ty Cổ phần Đầu tư D phải nộp 72.503.317 (Bảy mươi hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn ba trăm mười bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lý Kim C số tiền tạm ứng án phí 71.195.840 (Bảy mươi mốt triệu một trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi) đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0021080 ngày 03/11/2016 của C cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên chịu 235.164.411 (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 110.161.171 (Một trăm mười triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi mốt) đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0022441 ngày 17/7/2017 của C cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho Tổng Công ty Công nghiệp S – TNHH Một thành viên tiền án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được theo Biên lai thu tiền số AA/2017/00311414 ngày 26/02/2018 của C cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện BC;
- C cục huyện BC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Uông Văn Tuấn